

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
HÀNG KHÔNG CAM RANH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 20

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 từ trang 5 đến trang 20 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Kiều Hưng	Chủ tịch
Ông Lê Văn Lâm	Ủy viên
Ông Đồng Lương Sơn	Ủy viên
Ông Lương Văn Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Trọng Bình	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà Cao Thị Anh Thu	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Lâm	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,

Phan Kiều Hưng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Khánh Hòa, ngày 30 tháng 01 năm 2012

Số. /2012/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 30 tháng 01 năm 2012, trình bày từ trang 5 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Hội đồng Quản trị từ trang 2 đến trang 3, Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV

Tô Thị Thanh Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1183/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.060.138.337	4.510.564.426
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.243.382.101	2.631.220.830
Tiền	111		1.043.382.101	1.131.220.830
Các khoản tương đương tiền	112		2.200.000.000	1.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		764.553.591	1.260.369.609
Phải thu khách hàng	131	5	588.915.991	874.707.000
Trả trước cho người bán	132	6	11.000.000	228.156.909
Các khoản phải thu khác	135	7	164.637.600	157.505.700
Hàng tồn kho	140		686.901.623	390.540.299
Hàng tồn kho	141	8	686.901.623	390.540.299
Tài sản ngắn hạn khác	150		365.301.022	228.433.688
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		365.301.022	223.533.688
Tài sản ngắn hạn khác	158		-	4.900.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.504.780.255	16.998.886.938
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		14.800.636.432	16.113.386.517
Tài sản cố định hữu hình	221	9	14.792.493.580	16.098.386.517
- Nguyên giá	222		21.869.998.681	20.572.676.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.077.505.101)	(4.474.290.344)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.142.852	15.000.000
- Nguyên giá	228		20.000.000	20.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.857.148)	(5.000.000)
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		704.143.823	885.500.421
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	704.143.823	885.500.421
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		20.564.918.592	21.509.451.364

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.668.213.074	8.281.100.521
Nợ ngắn hạn	310		6.675.989.547	3.145.431.654
Phải trả người bán	312	12	2.197.332.919	1.676.038.842
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.528.504.505	617.278.985
Phải trả người lao động	315		1.439.153.055	693.578.142
Chi phí phải trả	316	14	31.000.000	34.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	1.472.867.123	259.063.072
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.131.945	(134.527.387)
Nợ dài hạn	330		992.223.527	5.135.668.867
Phải trả dài hạn khác	333	16	888.000.000	857.896.000
Vay và nợ dài hạn	334		-	4.264.280.539
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		104.223.527	13.492.328
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		12.896.705.518	13.228.350.843
Vốn chủ sở hữu	410	17	12.896.705.518	13.228.350.843
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		95.000.000	95.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		416.894.111	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		-	31.482.099
Quỹ dự phòng tài chính	418		-	22.487.214
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.384.811.407	3.079.381.530
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		20.564.918.592	21.509.451.364

Phan Kiều Hưng
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khánh Hòa, ngày 30 tháng 01 năm 2012

Lê Văn Lâm
Giám đốc

Đỗ Hữu Ánh Liên
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	43.461.717.839	29.491.180.209
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		43.461.717.839	29.491.180.209
Giá vốn hàng bán	11	19	31.824.627.737	21.523.398.599
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.637.090.102	7.967.781.610
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	168.470.136	138.866.722
Chi phí tài chính	22	21	289.211.411	722.153.522
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>289.211.411</i>	<i>722.153.522</i>
Chi phí bán hàng	24		3.140.685.964	1.635.587.047
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.889.157.591	1.720.976.677
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.486.505.272	4.027.931.086
Thu nhập khác	31		77.283.336	77.500.000
Chi phí khác	32		1.891.000	-
Lợi nhuận khác	40		75.392.336	77.500.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.561.897.608	4.105.431.086
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.390.474.402	1.026.357.772
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.171.423.206	3.079.073.314

Phan Kiều Hưng
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khánh Hòa, ngày 30 tháng 01 năm 2012

Lê Văn Lân
Giám đốc

Đỗ Hữu Ánh Liên
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		46.879.460.202	30.298.331.107
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(23.812.526.597)	(14.996.827.498)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(9.375.736.910)	(5.276.907.450)
Tiền chi trả lãi vay	4		(289.211.411)	(722.153.522)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(506.340.750)	(528.488.720)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		839.217.928	1.648.716.055
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(5.505.144.277)	(3.446.935.541)
	20		8.229.718.185	6.975.734.431
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(739.817.273)	(735.525.774)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		147.540.898	138.866.722
	30		(592.276.375)	(596.659.052)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.264.280.539)	(5.270.858.355)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.761.000.000)	(337.000.000)
	40		(7.025.280.539)	(5.607.858.355)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		612.161.271	771.217.024
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	2.631.220.830	1.860.003.806
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	3.243.382.101	2.631.220.830

Phan Kiều Hưng
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khánh Hòa, ngày 30 tháng 01 năm 2012

Lê Văn Lâm
Giám đốc

Đỗ Hữu Ánh Liên
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200810665 ngày 14/01/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18/11/2011.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), được chia thành 1.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, được góp vốn bởi các cổ đông chi tiết như sau:

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh	
	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Trung	5.100.000.000	51,00%
Công ty Cổ phần Nha Trang Taxi	2.000.000.000	20,00%
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	1.000.000.000	10,00%
Vốn góp của các đối tượng khác	1.900.000.000	19,00%
Cộng	10.000.000.000	100,00%

Công ty có trụ sở chính đặt tại Sân bay Nha Trang, số 86 đường Trần Phú, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Vận chuyển hành khách bằng xe buýt và taxi. Dịch vụ vận chuyển khách du lịch;
- Kinh doanh ăn uống giải khát;
- Bán hàng lưu niệm; quảng cáo
- Khách sạn, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý bán vé máy bay, dịch vụ làm thủ tục đăng ký chuyển bay cho hành khách, giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh tour du lịch nội địa và quốc tế, đại lý lữ hành;
- Gia công cơ khí;
- Dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này.

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc thiết bị	3
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị phần mềm kế toán và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

3.7 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3.7 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.8 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Tiền mặt	7.127.660	19.440.026
Tiền gửi ngân hàng	1.036.254.441	1.111.780.804
Các khoản tương đương tiền (*)	2.200.000.000	1.500.000.000
Cộng	3.243.382.101	2.631.220.830

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng hải.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
	258.826.000	574.166.000
Công ty Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh VP khu vực miền Trung - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	303.936.000	263.250.000
Khác	26.153.991	37.291.000
Cộng	588.915.991	874.707.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Công ty TNHH Một thành viên TM&DV Đăng Quang	-	100.457.000
Cửa hàng Đồng Lợi	-	67.790.000
Công ty TNHH TM Đại Lợi	-	29.800.909
Công ty TNHH Ô tô Đại Việt	-	24.609.000
Công ty TNHH Thanh Hải I	10.000.000	-
Đối tượng khác	1.000.000	5.500.000
Cộng	11.000.000	228.156.909

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Phải thu tài xế taxi	164.637.600	129.905.700
Thù lao của hội đồng quản trị kì I năm 2010	-	27.600.000
Cộng	164.637.600	157.505.700

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2011 VND	Tại 01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	128.918.537	60.309.165
Công cụ, dụng cụ	23.041.993	21.847.863
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	686.901.623	390.540.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ, quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/01/2011	1.612.135.049	391.513.060	18.446.508.668	122.520.084	20.572.676.861
- Mua trong năm	-	-	1.157.600.001	139.721.819	1.297.321.820
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.612.135.049</u>	<u>391.513.060</u>	<u>19.604.108.669</u>	<u>262.241.903</u>	<u>21.869.998.681</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2011	78.599.540	194.421.484	4.148.180.929	53.088.391	4.474.290.344
- Khấu hao trong năm	111.705.912	131.394.384	2.290.082.003	70.032.458	2.603.214.757
Tại ngày 31/12/2011	<u>190.305.452</u>	<u>325.815.868</u>	<u>6.438.262.932</u>	<u>123.120.849</u>	<u>7.077.505.101</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/01/2011	<u>1.533.535.509</u>	<u>197.091.576</u>	<u>14.298.327.739</u>	<u>69.431.693</u>	<u>16.098.386.517</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.421.829.597</u>	<u>65.697.192</u>	<u>13.165.845.737</u>	<u>139.121.054</u>	<u>14.792.493.580</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Là phần mềm kế toán và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là thiết bị dụng cụ văn phòng, công cụ dụng cụ phân bổ trong vòng 24 tháng.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Công ty Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh	351.585.567	742.203.209
Nguyễn Tấn Quảng	166.602.700	137.587.100
Công ty Xăng dầu Quân đội Khu vực 3	36.088.540	140.598.480
DNTN Sao Mai Em	85.502.100	69.650.000
Phan Chí Thành	45.750.000	55.385.000
CT TNHH Nhà Nước MTV Yên Sào Khánh Hòa	73.536.650	21.736.000
Nguyễn Thị Hữu Tuyết	64.409.000	28.705.000
Nguyễn Thị Hồng Thắm	64.318.000	12.564.000
Công ty TNHH MTV Thương mại rượu Hà Nội	65.501.040	-
Công ty CP Kỹ Thuật Viễn Thông Hoàng Gia	487.465.000	-
Các đối tượng khác	756.574.322	467.610.053
Cộng	2.197.332.919	1.676.038.842

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	122.445.526	107.235.873
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.390.474.402	506.340.750
Thuế thu nhập cá nhân	15.584.577	3.702.362
Cộng	1.528.504.505	617.278.985

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Trích trước phí kiểm toán	25.000.000	25.000.000
Trích trước tiền điện thoại	6.000.000	9.000.000
Cộng	31.000.000	34.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	144.329.962	99.108.435
- Bảo hiểm xã hội	31.064.400	8.497.087
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Trung	1.020.000.000	-
- Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn Nha Trang	200.000.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.700.000	14.700.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.172.761	136.757.550
- Thù lao hội đồng quản trị & ban kiểm soát	27.600.000	-
Cộng	1.472.867.123	259.063.072

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược của người lao động là tài xế lái xe taxi.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh		Đã góp đến 31/12/2011 VND
	Vốn điều lệ	Tỷ lệ	
	VND	%	
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Miền Trung	5.100.000.000	51,00%	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Nha Trang Taxi	2.000.000.000	20,00%	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Yasaka Sài Gòn - Nha Trang	1.000.000.000	10,00%	1.000.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	1.900.000.000	19,00%	1.900.000.000
Cộng	10.000.000.000	100,00%	10.000.000.000

17.2 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2011	Tại 01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.000.000</i>	<i>1.000.000</i>
<i>Mệnh giá cổ phiếu:</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2010	10.000.000.000	95.000.000	-	31.482.099	22.487.214	337.308.216	10.486.277.529
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	3.079.073.314	3.079.073.314
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2009	-	-	-	-	-	(337.000.000)	(337.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	10.000.000.000	95.000.000	-	31.482.099	22.487.214	3.079.381.530	13.228.350.843
Tại ngày 01/01/2011	10.000.000.000	95.000.000	-	31.482.099	22.487.214	3.079.381.530	13.228.350.843
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	4.171.423.206	4.171.423.206
- Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	211.706.132	151.218.666	(362.924.798)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(302.437.332)	(302.437.332)
- Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-	-	(90.731.199)	(90.731.199)
- Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(109.900.000)	(109.900.000)
- Cổ tức năm 2010, 2011	-	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
- Chuyển nguồn để mua sắm TSCĐ	-	-	416.894.111	(243.188.231)	(173.705.880)	-	-
Tại ngày 31/12/2011	10.000.000.000	95.000.000	416.894.111	-	-	2.384.811.407	12.896.705.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.461.717.839	29.491.180.209
Trong đó:		
+ Doanh thu dịch vụ taxi	17.545.123.987	10.889.697.781
+ Doanh thu dịch vụ nhà hàng	7.898.625.096	6.242.730.324
+ Doanh thu bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	13.158.305.420	8.965.453.012
+ Doanh thu dịch vụ phòng VIP	3.574.663.636	2.845.200.000
+ Doanh thu bus	1.158.625.456	-
+ Doanh thu khác	126.374.244	548.099.092

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn dịch vụ taxi	14.552.584.195	9.230.248.418
Giá vốn dịch vụ nhà hàng	6.721.368.154	5.547.536.110
Giá vốn bán hàng lưu niệm, mỹ nghệ	7.504.792.011	5.044.358.089
Giá vốn dịch vụ phòng VIP	2.182.214.170	1.254.120.420
Giá vốn dịch vụ bus	863.669.207	-
Khác	-	447.135.562
Cộng	31.824.627.737	21.523.398.599

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi	168.470.136	138.866.722
Cộng	168.470.136	138.866.722

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	289.211.411	722.153.522
Cộng	289.211.411	722.153.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	5.561.897.608	4.105.431.086
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.561.897.608	4.105.431.086
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.390.474.402	1.026.357.772
Hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh phải nộp trong năm	1.390.474.402	1.026.357.772

23. THÔNG TIN KHÁC

23.1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2011 VND
Doanh thu với các bên liên quan	3.839.912.423
- Công ty Cảng Hàng không Quốc tế Nha Trang	3.718.556.363
- Công ty Cổ phần Nha Trang Taxi	121.356.060
Mua hàng từ các bên liên quan	3.016.077.197
- Công ty Cảng Hàng không Quốc tế Nha Trang	2.985.168.106
- Công ty Cổ phần Nha Trang Taxi	30.909.091
Cổ tức đã trả cho các bên liên quan	2.020.000.000
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Trung	1.020.000.000
- Công ty Cổ phần Nha Trang Taxi	800.000.000
- Công ty Cổ phần Yasaka Sài gòn Nha Trang	200.000.000

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2011 VND
Phải thu khách hàng	258.826.000
- Công ty Cảng Hàng không Quốc tế Nha Trang	258.826.000
Phải trả cho người bán	351.585.567
- Công ty Cảng Hàng không Quốc tế Nha Trang	351.585.567
Các khoản phải trả khác	1.220.000.000
- Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Trung	1.020.000.000
- Công ty Cổ phần Yasaka Sài gòn Nha Trang	200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

23.2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 của Công ty đã được kiểm toán.

Phan Kiều Hưng
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Khánh Hòa, ngày 30 tháng 01 năm 2012

Lê Văn Lâm
Giám đốc

Đỗ Hữu Ánh Liên
Kế toán trưởng